

**PHONG CÁCH TƯ DUY – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỐT YẾU***Nguyễn Hồng Điệp<sup>1</sup>***TÓM TẮT**

*Bài viết này, từ việc khái quát, phân tích bản chất của khái niệm phong cách và tư duy đưa ra quan niệm về phong cách tư duy, chỉ ra bản chất, những yếu tố cấu thành của phong cách tư duy (với tính cách là thuộc tính của tư duy) và mối liên hệ giữa các yếu tố đó. Trên cơ sở phân tích các yếu tố cấu thành phong cách tư duy, bài viết gợi mở một số vấn đề có tính chất phương pháp luận, nhằm xây dựng phong cách tư duy cho một cá nhân hay lớp người trong xã hội.*

**Từ khoá:** Tư duy, phương pháp tư duy, phong cách, phong cách tư duy

**1. Đặt vấn đề**

Phong cách tư duy (PCTD), nhất là PCTD khoa học, có vai trò rất lớn trong hoạt động của mỗi con người, PCTD khoa học tạo nên những nét, giá trị riêng có tính độc đáo, hiệu quả trong lề lối, cách thức tư duy của mỗi cá nhân hay lớp người. Khái niệm phong cách nói chung và PCTD nói riêng đã được đề cập từ rất lâu, nhưng thời gian gần đây mới được nhiều công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, tùy theo cách tiếp cận, hướng nghiên cứu và vận dụng mà quan niệm về phong cách và PCTD được nhìn nhận và làm rõ ở những góc độ khác nhau. Vậy quan niệm tổng quát và đầy đủ về PCTD là gì? Những yếu tố nào tạo nên PCTD (với tính cách là một thuộc tính của tư duy)? Từ việc nghiên cứu PCTD rút ra những vấn đề gì đặt cơ sở cho việc xây dựng PCTD cho một cá nhân hay lớp người trong xã hội. Trong bài viết này, tác giả cố gắng luận giải rõ các vấn đề nêu trên.

**2. Nội dung****2.1. Quan niệm về phong cách tư duy**

Để có cơ sở tìm hiểu về PCTD, trước hết cần có những khái lược chung nhất về khái niệm phong cách. Nhiều

công trình nghiên cứu cho thấy phong cách luôn gắn với con người, bất cứ lĩnh vực hoạt động nào mang dấu ấn cá nhân của con người, tạo thành những giá trị thì đều xuất hiện phong cách, không riêng gì trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Phong cách bao giờ cũng là cái riêng, độc đáo có tính hệ thống, ổn định và đặc trưng của chủ thể. Bất kỳ một con người trong hoạt động thì đều có thể tạo nên phong cách. Phong cách bao giờ cũng là sự thống nhất giữa mục đích, cách thức thực hiện các phương pháp hoạt động với nội dung và kết quả của hoạt động tạo nên những nét riêng, độc đáo trong hoạt động.

Vì vậy, phong cách là tổng hòa những cách thức sử dụng các phương pháp nhất định, tạo nên nét riêng, độc đáo có tính hệ thống, ổn định. Tất nhiên, phong cách sẽ không đồng nhất với cách thức, biện pháp, phong cách luôn được thể hiện thông qua cách thức, biện pháp mà chủ thể sử dụng. Trong từng phương pháp, biện pháp, cách thức cũng đồng thời phản ánh phong cách của chủ thể. Vì phong cách có quan hệ chặt chẽ giữa cách thức thực hiện các phương pháp hoạt động với nội dung và

<sup>1</sup>Trường Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng  
Email: leminh19832003@gmail.com

kết quả của hoạt động nên khi nghiên cứu phong cách phải gắn với hiệu quả giải quyết những yêu cầu hoạt động thực tiễn của con người đặt ra. Theo đó, khi chủ thể sử dụng hoặc kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp tạo nên những cái riêng biệt, độc đáo và đặc trưng của chủ thể, đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn, đó mới xuất hiện phong cách. Khi đi nghiên cứu phong cách trong mỗi lĩnh vực hoạt động của con người cần quán triệt mối quan hệ biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù. Theo đó, phong cách và PCTD có mối quan hệ mật thiết với nhau, đây là những định hướng để nghiên cứu PCTD - một lĩnh vực cụ thể của phong cách.

Tư duy là một trong những hoạt động sống cơ bản nhất của loài người, nhờ có tư duy mà mọi hoạt động của con người diễn ra đúng ý định và đạt hiệu quả. Xét ở một góc độ nhất định, không thể có hoạt động thực tiễn nếu không có tư duy. Vì lẽ đó, tư duy từ lâu đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều môn khoa học khác nhau. Theo *Từ điển Triết học*: “Tư duy - sản phẩm cao nhất của cái vật chất được tổ chức một cách đặc biệt là bộ não, quá trình phản ánh tích cực thế giới quan trong các khái niệm, phán đoán, suy luận” [1, tr. 634-635]. Như vậy, tư duy là trình độ cao của quá trình nhận thức, là sự phản ánh khái quát hóa, trừu tượng hóa thế giới hiện thực. Nhưng đây không phải là sự phản ánh nói chung mà là sự phản ánh năng động, tích cực, sáng tạo của chủ thể ở giai đoạn nhận thức lý tính. Đây là quá trình khám phá tìm ra bản chất quy luật vận động của đối tượng

nhận thức, tạo ra tri thức mới về sự vật qua đó chỉ đạo hoạt động cải tạo hiện thực của chủ thể. Quá trình tư duy là quá trình phản ánh thực tại khách quan vào bộ óc con người thông qua các thao tác: quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa... để tìm ra bản chất, quy luật của sự vật và hiện tượng. Kết quả của quá trình tư duy là tri thức về đối tượng, chính là sự phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ cơ bản, phổ biến, giúp cho con người nhận thức được bản chất của các sự vật, hiện tượng. Kết quả này được ghi lại và củng cố trong ngôn ngữ (như là vỏ vật chất của tư duy).

Nếu như cách thức sử dụng các phương pháp nhất định tạo nên nét riêng, độc đáo có tính hệ thống, ổn định của một người hay lớp người được gọi là phong cách thì PCTD cũng phải là sự vận dụng một phương pháp tư duy nào đó, để tìm ra tri thức về đối tượng, từ đó đề ra biện pháp để cải tạo đối tượng nhận thức ở từng chủ thể. Tuy nhiên, sự vận dụng một phương pháp tư duy nào đó ở từng người thường không giống nhau, đúng hay sai, hiệu quả cao hay thấp... còn phụ thuộc vào tầm trí tuệ, tầm văn hóa - khoa học, bản lĩnh, khí chất... của họ. Quá trình vận dụng một phương pháp tư duy đạt đến mức độ để lại những dấu ấn riêng, cách làm riêng, đem lại những hiệu quả riêng... khi đó xuất hiện phong cách (tức là đã có được những đặc trưng riêng, ổn định, mang giá trị khoa học hay thẩm mỹ cao). Vì vậy, PCTD là những nét riêng, độc đáo, ổn định và

hiệu quả trong cách thức thực hiện phương pháp tư duy nào đó của chủ thể để tìm ra tri thức về đối tượng.

Theo tác giả Trần Văn Phòng: “Phong cách tư duy là những đặc điểm riêng, có tính hệ thống, ổn định trên cơ sở của một cách thức thực hiện phương pháp tư duy của riêng cá nhân nào đó” [2, tr. 12]. Khái niệm này đã phản ánh PCTD là một lĩnh vực cụ thể của phong cách, cơ sở tạo nên PCTD là cách thức thực hiện phương pháp tư duy nhằm tìm ra tri thức về đối tượng. Nhân loại đến nay đã có nhiều phương pháp tư duy khác nhau: phương pháp tư duy biện chứng; phương pháp tư duy siêu hình; phương pháp tư duy kinh nghiệm... Trong các phương pháp tư duy trên, có những phương pháp tư duy đạt tới tầm khoa học, có phương pháp tư duy chưa đạt tới tầm khoa học. Vì vậy, cách thức thực hiện các phương pháp tư duy trên sẽ cho ra các loại PCTD khác nhau. Có thể phân thành hai loại là PCTD khoa học và PCTD không khoa học. Chỉ có cách thức thực hiện phương pháp tư duy biện chứng duy vật mới tạo ra PCTD khoa học. Vì phương pháp tư duy biện chứng duy vật là phương pháp tư duy đúng đắn và hiệu quả nhất, phương pháp tư duy biện chứng duy vật là đỉnh cao của phương pháp tư duy của nhân loại.

Cũng như nghiên cứu về phong cách, khi đi nghiên cứu PCTD phải luôn gắn với hiệu quả của PCTD ấy phải đáp ứng yêu cầu nhận thức và cải tạo đối tượng. Khi đi nghiên cứu về PCTD ở đây, thực chất là nghiên cứu

về PCTD khoa học nên có thể quan niệm: *Phong cách tư duy là những đặc điểm riêng, những giá trị riêng có tính hệ thống, ổn định trên cơ sở cách thức vận dụng phương pháp tư duy biện chứng duy vật vào định hướng, điều chỉnh quá trình tìm ra bản chất, quy luật vận động, tri thức mới của đối tượng nhận thức.* Như vậy, xét về bản chất, PCTD phản ánh đặc điểm riêng biệt, ổn định và đặc trưng của cá nhân trong cách thức vận dụng các nguyên lý, lý luận, các nguyên tắc của phép biện chứng duy vật vào điều chỉnh hoạt động nhận thức để tìm ra tri thức của đối tượng, cách thức vận dụng này mang những nét riêng, giá trị riêng, đặc sắc, ổn định và hiệu quả của từng chủ thể sẽ tạo nên PCTD của chủ thể.

## **2.2. Bản chất và cấu trúc của phong cách tư duy**

Nếu như tư duy là quá trình chủ thể đi sâu khám phá bản chất, quy luật vận động và tìm ra tri thức mới về đối tượng thì PCTD là hình thức để đạt tới tri thức đó. Nội dung của tư duy là tri thức về đối tượng phản ánh thông qua các khái niệm, phán đoán, suy luận, còn PCTD là hình thức để đạt tới các khái niệm, phán đoán, suy luận đó. Ph. Ăngghen cho rằng: “những khái niệm chính trị, pháp lý và những khái niệm tư tưởng khác và những hành động do các khái niệm ấy quy định, là bắt nguồn từ những sự kiện kinh tế, cơ sở của những khái niệm ấy. Nhưng làm như vậy là chúng tôi đã coi nhẹ về mặt hình thức - tức là coi nhẹ những phương pháp, phương thức nhờ đó những khái niệm

này, v.v... đã hình thành” [3, tr. 132]. Như vậy, PCTD là cách mà chủ thể sử dụng một phương pháp tư duy nào đó để tìm ra tri thức mới về đối tượng. Theo đó, PCTD có quan hệ mật thiết với phương pháp tư duy, nhưng không đồng nhất với nó. Phương pháp tư duy là công cụ, phương tiện để tạo nên phong cách, còn PCTD là hình thức biểu hiện của kết quả sử dụng phương pháp tư duy. Nội dung của PCTD là phương pháp tư duy, còn PCTD là hình thức biểu hiện của cách thức sử dụng phương pháp tư duy. Đồng thời, PCTD cũng phản ánh tính đúng đắn khoa học của phương pháp tư duy mà chủ thể ấy sử dụng. Việc sử dụng các phương pháp tư duy như một nghệ thuật tạo nên những giá trị và dấu ấn riêng biệt như một đặc trưng văn hóa trong nhận thức, sẽ tạo nên PCTD của chủ thể đó.

PCTD có sự thống nhất hữu cơ giữa phương pháp tư duy và tư duy. Để đạt tới kết quả tư duy chính xác cần có phương pháp tư duy khoa học để điều chỉnh quá trình tư duy, nhưng cách thức thực hiện phương pháp tư duy ấy, đạt tới mức độ nhuần nhuyễn, hiệu quả, xuất hiện những nét riêng, mang dấu ấn riêng sẽ xuất hiện phong cách. Bởi lẽ, khi tư duy tức là chủ thể đang thực hiện một phương pháp tư duy nhất định. Bằng phương pháp đó và thông qua phương pháp đó, với những nội dung tri thức nhất định mà chủ thể huy động vào quá trình tư duy, chủ thể sẽ đạt được kết quả của quá trình tư duy - đó là những tư tưởng, quan điểm. Cách thức để đạt tới kết quả của quá trình tư duy, tạo nên

những PCTD khác nhau. Do đó, PCTD là sự thống nhất, hòa quyện của các yếu tố: phương pháp tư duy, nội dung tư duy, kết quả tư duy. Sự tổng hợp của các yếu tố này tạo thành những đặc trưng ở mỗi chủ thể khác nhau.

Để tìm hiểu PCTD của chủ thể phải thông qua cách tư duy (cách đạt tới tư tưởng, quan điểm và nội dung quan điểm, tư tưởng đó) và cách hoạt động thực tiễn (cách làm) của chủ thể. Vì quá trình tư duy là quá trình trừu tượng, khó xem xét, kết quả tư duy phản ánh bằng các quan điểm, tư tưởng. Kết quả của tư duy cũng phản ánh chủ thể tư duy đã sử dụng và sử dụng hiệu quả đến đâu các phương pháp tư duy nào. Nếu như các quan điểm, tư tưởng đó phản ánh đúng bản chất, quy luật của thực tiễn thì cách tư duy đó đúng đắn và ngược lại. Tuy nhiên, quá trình hiện thực hóa tri thức, quan điểm tư tưởng trong hoạt động thực tiễn cũng cần phải sử dụng tư duy để phân tích, đánh giá thực tiễn; lựa chọn các phương pháp hoạt động, các tri thức cần thiết; kết hợp tri thức và phương pháp... để hoạt động thực tiễn hóa tri thức, quan điểm, tư tưởng đạt hiệu quả. Quá trình này, ở các chủ thể khác nhau sẽ khác nhau, tạo nên một phong cách riêng ở mỗi chủ thể. Do đó, muốn tìm hiểu PCTD của một chủ thể nhất định phải thông qua nghiên cứu kết quả của tư tưởng (cách nghĩ) hoặc hiệu quả của cách thức thực tiễn hóa tư tưởng (cách làm) của chủ thể ấy.

Ở đây, cũng cần nói thêm rằng, tư tưởng không phải bắt nguồn từ tư duy thuần túy, càng không phải là sản phẩm

của tư duy thuần túy. Do vậy, cần phải phân biệt rõ tư duy và tư tưởng, không thể đồng nhất hai khái niệm này giống như một số người từ trước đến nay thường nhầm lẫn. Vì tư duy là quá trình con người suy ngẫm, xuất phát từ những cứ liệu sinh động của thực tiễn và từ tư tưởng đương thời để đi tới xác định tư tưởng của chính mình. Đó là kết quả của quá trình hoạt động của não người, đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, đó là quá trình đi sâu vào các tầng bản chất của sự vật, nghiên cứu quá trình tồn tại, vận động và phát triển của các sự vật, hiện tượng, của đối tượng để từ đó phát hiện ra tính quy luật của đối tượng. Đỉnh cao của quá trình này là khái niệm hóa, từ đó mà xác định các luận điểm, những tư tưởng được thể hiện bằng những mệnh đề phán đoán, suy lý. Như vậy, tư tưởng là kết quả của một quá trình tư duy, mà nguồn gốc của nó là ở ngoài tư duy của chủ thể. Khoa học tư duy có nhiệm vụ nghiên cứu và làm sáng tỏ quá trình đó. Thực chất của quá trình này, theo Ph.Ăngghen: “là sự thống nhất giữa lôgic học và phép biện chứng” [4, tr. 238]. Còn V.I. Lênin lại cho rằng: “đó là sự thống nhất giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic học” [5, tr. 382].

*Dựa theo các yếu tố hợp thành, PCTD được cấu trúc gồm:* trình độ tri thức; phương pháp tư duy khoa học; năng lực tư duy; trải nghiệm thực tiễn; cảm xúc, tình cảm và ý chí, bản lĩnh cá nhân (khí chất cá nhân). Trong các yếu tố đó, mỗi yếu tố có vị trí vai trò khác nhau trong sự tồn tại phụ thuộc lẫn nhau, đưa đến

việc hình thành PCTD. Do vậy, PCTD là tổng hòa của các yếu tố trên, PCTD vừa phụ thuộc vào các yếu tố trên, đồng thời cũng là biểu hiện của các yếu tố đó.

Trình độ tri thức đó là mức độ nông, sâu về sự hiểu biết, nắm bắt quy luật vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và chính bản thân con người, là “những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng, tự nhiên hoặc xã hội”. Trình độ tri thức bao gồm: tri thức kinh nghiệm, tri thức lý luận, tri thức nghề nghiệp. Có tri thức làm cho hoạt động con người trở nên chủ động, tự giác, hạn chế tình trạng mò mẫm, tự phát. Chỉ khi nào con người đạt tới mức độ hiểu sâu sắc về bản chất, quy luật vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng thì khi đó mới có đủ cơ sở để nhận thức và hoạt động sáng tạo. Trình độ tri thức là cơ sở, nền tảng để con người đi sâu tìm hiểu khám phá tìm ra bản chất của đối tượng, là những nguồn thông tin đóng vai trò là yếu tố đầu vào cho tư duy, là nguyên liệu cho tư duy vận hành. Nghĩa là những nguyên liệu đầu vào để chủ thể vận dụng nó nhằm tìm ra cách thức, con đường để khám phá, tìm ra bản chất và biện pháp cải tạo đối tượng. Thiếu yếu tố đầu vào này chủ thể sẽ không có những nguyên liệu cho quá trình tư duy diễn ra. Do đó, sẽ không có những nét riêng mang dấu ấn cá nhân làm cơ sở tạo nên PCTD.

Phương pháp tư duy là hệ thống những nguyên tắc điều chỉnh hoạt động nhận thức và cải tạo thực tiễn của con người, xuất phát từ các quy luật vận động của khách thể mà con người đã

nhận thức được (dưới dạng lý luận). Hay nói cách khác phương pháp tư duy là tri thức về cách thức, con đường để nhận thức và cải tạo đối tượng xuất phát từ chính bản thân đối tượng mà chủ thể tìm ra. Tri thức này có được là do khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát, tổng kết đánh giá về đối tượng và vận dụng những tri thức đã có một cách khoa học, để nghiên cứu tìm hiểu, khám phá đối tượng nhằm tìm ra tri thức mới về nó. Như vậy, việc vận dụng tri thức đã có vào khám phá tìm ra bản chất, cách thức con đường cải tạo đối tượng khác nhau sẽ tạo ra những phong cách khác nhau ở từng chủ thể. Do đó, cùng được trang bị một phương pháp tư duy như nhau, nhưng ở từng chủ thể khác nhau vận dụng phương pháp tư duy đó thế nào sẽ tạo ra những PCTD riêng gắn với chủ thể đó. Việc vận dụng phương pháp tư duy ấy thế nào, để tạo nên PCTD chính là năng lực tư duy. Nghĩa là, việc sử dụng phương pháp tư duy kết hợp với những tri thức đã có để “nhào nặn” khám phá, tác động vào đối tượng để tìm ra những tri thức mới về đối tượng ở từng chủ thể khác nhau sẽ tạo ra những phong cách khác nhau. Việc “nhào nặn” đó đạt đến mức độ cao hay thấp phụ thuộc vào năng lực tư duy của chủ thể ấy.

Năng lực tư duy là khả năng đi sâu tìm hiểu bản chất các sự vật hiện tượng, giúp con người vạch ra những quy luật ẩn giấu đằng sau các sự vật hiện tượng để nắm bắt vận dụng trong quá trình thực tiễn. Hay nói cách khác năng lực tư duy còn là khả năng huy động những

phẩm chất trí tuệ, tri thức, phương pháp tư duy khoa học đã có để khám phá đối tượng để tìm ra cách thức, tiếp cận, nghiên cứu đối tượng để từ đó tìm tri thức mới về đối tượng và cách thức cải tạo đối tượng. Việc huy động những phẩm chất cá nhân, tri thức, phương pháp tư duy đã có nhằm tìm ra tri thức mới về đối tượng mang những dấu ấn, sắc thái và mức độ hiệu quả ở từng chủ thể khác nhau sẽ khác nhau tùy thuộc vào năng lực tư duy của từng chủ thể. Chính điều này đã tạo nên những PCTD khác nhau ở từng chủ thể khác nhau. Như vậy, PCTD khoa học vừa phản ánh đồng thời vừa phụ thuộc vào năng lực tư duy của chủ thể.

Trải nghiệm thực tiễn là nền tảng để con người hiểu sâu sắc về tri thức đã có, là điều kiện để kiểm nghiệm tri thức về cách thức con đường, biện pháp để khám phá cải tạo đối tượng. Qua đó, bổ sung những tri thức mới về đối tượng và đúc rút kinh nghiệm và khái quát thành tri thức mới, dự báo xu hướng vận động của đối tượng muốn cải tạo trong thế giới hiện thực. Trải nghiệm thực tiễn còn là điều kiện, môi trường để chủ thể rèn luyện phương pháp tư duy, năng lực tư duy, tạo nên tính ổn định và từ đó tạo ra những sắc thái riêng trong cách thức tư duy của chủ thể. Bởi vậy, chủ thể có thể phản ứng mau lẹ, hiệu quả trong những tình huống tư duy, từ đó PCTD được hình thành và phát triển.

Trải nghiệm thực tiễn còn là nguồn gốc tạo ra cảm xúc, tình cảm. Cảm xúc, tình cảm vai trò to lớn trong hoạt động của con người nói chung hoạt động nhận thức nói riêng. Nó kích thích con

người hứng thú, say mê tìm tòi sáng tạo, khám phá đối tượng, là động lực của mọi năng lực nói chung, phát triển năng lực tư duy nói riêng. Ý chí và bản lĩnh là một trong những phẩm chất quan trọng của con người, nói lên lòng quyết tâm vượt qua mọi khó khăn trở ngại để đạt được mục đích trong hoạt động nhận thức. Nhờ có ý chí, nghị lực mà chủ thể có quyết tâm vượt qua mọi khó khăn trở ngại để đạt được mục đích của nhận thức, đồng thời nhờ có ý chí, nghị lực mà chủ thể vượt qua mọi trở ngại, tích cực trau dồi, rèn giữa công cụ nhận thức (phương pháp tư duy). Qua đó, rèn luyện cho mình PCTD khoa học.

Khí chất cá nhân hoặc là phẩm chất tâm sinh lý của mỗi cá nhân, là tổng hợp hữu cơ các yếu tố bẩm sinh, sự thông minh, linh hoạt, nhanh nhạy, năng khiếu, tính cách... Khí chất cá nhân là nền tảng vật chất tự nhiên của các yếu tố chủ quan, cái rất cần thiết cho sự hình thành PCTD. Chính yếu tố này làm cho mỗi cá nhân có tốc độ phát triển năng lực tư duy khác nhau. Khí chất cá nhân còn phản ánh cái riêng, cái độc đáo, cái phong phú, đa dạng trong cách tư duy của mỗi người, tạo cơ sở cho những đặc trưng khác nhau trong PCTD của mỗi cá nhân.

Như vậy, trong các yếu tố cấu thành PCTD, phương pháp tư duy là yếu tố cốt lõi nhất; tri thức khoa học là yếu tố đầu vào cho tư duy, là nguyên liệu cho phương pháp tư duy vận hành; năng lực tư duy phản ánh khả năng sử dụng phương pháp tư duy, vì vậy PCTD vừa phụ thuộc vừa phản ánh năng lực tư duy; khí chất cá nhân tạo ra những sắc thái

riêng, những cái phong phú trong đặc trưng PCTD của các chủ thể khác nhau. Sự tương tác biện chứng giữa các yếu tố này là cơ sở để hình thành nên PCTD ở mỗi cá nhân. Tuy nhiên, PCTD không tự giác hình thành trên cơ sở các yếu tố đó, mà cần có sự tích cực học tập và rèn luyện của mỗi cá nhân.

### **3. Một số vấn đề có tính chất phương pháp luận rút ra khi nghiên cứu về phong cách tư duy**

PCTD khoa học có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của mỗi con người. Vì vậy, để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thực tiễn, rất cần thiết phải xây dựng một PCTD khoa học cho mỗi cá nhân và lớp người trong xã hội. Từ quan niệm và cấu trúc của PCTD có thể rút ra một số vấn đề có tính chất phương pháp luận, nhằm xây dựng PCTD khoa học. *Một là* không ngừng nâng cao trình độ tri thức khoa học toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt là tri thức chuyên môn. Vì đây là yếu tố nền tảng của tư duy, là cơ sở để tư duy vận hành, là yếu tố ban đầu cho sự hình thành PCTD. *Hai là* nắm vững, trau dồi và rèn luyện cách thức vận dụng phương pháp tư duy biện chứng duy vật vào thực tiễn một cách linh hoạt và sáng tạo. Vì phương pháp tư duy biện chứng duy vật là yếu tố cốt lõi cho việc hình thành PCTD khoa học, vận dụng thành thạo phương pháp tư duy biện chứng duy vật sẽ là yếu tố trực tiếp cho việc hình thành PCTD. *Ba là* tạo môi trường thực tiễn nhằm kiểm nghiệm và rèn luyện phương pháp tư duy, hình thành nên PCTD khoa học.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Từ điển Triết học* (1996), Nxb Tiến bộ, Mátxcova
2. Trần Văn Phòng (Chủ biên) (2000), *Học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. C. Mác và Ph. Ăng ghen (1999), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. Ph. Ăng ghen (1984), *Chống Duy-rinh*, Nxb Sự thật, Hà Nội
5. V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiến bộ, Matxcova

**THINKING STYLE - SOME CORE ISSUES****ABSTRACT**

*This article, from the generalization, analyses the essence of conceptual style and thinking, hence, the concept of thinking style is generalized; the essence and the constituent elements of the thinking style (attributes of thinking) and the relationship between the elements in the thinking style are indicated. On the basis of analysis of the components of thinking style, this article suggests some methodological issues, aiming to build thinking style for an individual or a class in society.*

**Keywords:** *Thinking, method of thinking, style, thinking style*

(Received: 10/5/2018, Revised: 5/6/2018, Accepted for publication: 11/9/2019)